CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

PHẦN 1: BIẾT

Câu 1. Quan niệm của học thuyết Mác - Lênin về nguồn gốc của Nhà nước:

A. Nhà nước xuất hiện do thượng đế sáng tạo để bảo vệ trật tự chung

B. Nhà nước là kết quả phát triển của gia đình và quyền gia trưởng

C. Nhà nước là kết quả của một khế ước được ký kết giữa những con người sống trong trạng thái tự nhiên không có nhà nước.

D. Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được

Câu 2. Bản chất giai cấp của nhà nước được thể hiện:

A. Là bộ máy đặc biệt nhằm duy trì sự thống trị về kinh tế, chính trị, tư tưởng

B. Là tổ chức thống trị về quyền lực trong xã hội

C. Là bộ máy đặc biệt nhằm duy trì sự thống trị về tư tưởng, văn hóa và tôn giáo

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 3. Nhà nước có những dấu hiệu đặc trưng cơ bản nào?

A. Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; có chủ quyền quốc gia; quyền ban hành pháp luật; thực hiện các hoạt động kinh tế

B. Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; quản lý dân cư theo lãnh thổ; có chủ quyền quốc gia; quyền ban hành pháp luật; quy định các loại thuế; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước

C. Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; quản lý dân cư theo lãnh thổ; quyền ban hành pháp luật; quy định các loại thuế; có chủ quyền quốc gia

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 4. Nhà nước phân chia dân cư theo cách nào?

A. Theo huyết thống

B. Theo nghề nghiệp

C. Theo đơn vị hành chính lãnh thổ

D. Theo tôn giáo

Câu 5. Các thuộc tính của pháp luật là:

A. Tính quy phạm phổ biến

B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

C. Tính cưỡng chế của pháp luật

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 6. Pháp luật được hình thành bằng con đường nào?

A. Tập quán pháp

B. Tiền lệ pháp

C. Văn bản quy phạm pháp luật

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 7. Tính giai cấp của pháp luật được thể hiện ở:

A. Phản ánh ý chí của giai cấp thống trị

B. Là bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội, bị quy định bởi cơ sở hạ tầng

C. Phản ánh nguyện vọng của con người và những quan điểm về các hành vi xử sự trong đời sống xã hội

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 8. Tính xã hội của Pháp luật được thể hiện:

A. Đa số người dân chấp nhận

B. Thiểu số người dân chấp nhận

C. Các dân tộc chấp nhận

D. Được một nhóm người chấp nhận

Câu 9. Chức năng giáo dục của pháp luật:

A Làm cho con người hành động phù hợp với cách xử sự như ghi trong quy phạm pháp luật

B.Làm cho con người hành động phù hợp với cách xử sự như ghi trong tôn giáo, phong tục, tập quán

C. Làm cho con người hành động phù hợp với cách xử sự như trong tôn giáo, phong tục, tập quán

D. Làm cho con người hành động phù hợp với cách xử sự như trong nội quy và quy định của pháp luật

Câu 10. Vai trò của Pháp luật:

A. Là công cụ quản lý xã hội do nhà nước đặt ra

B. Là công cụ quản lý xã hội của các tổ chức chính trị xã hội

C. Là công cụ quản lý xã hội của các tổ chức đảng phái

D. Là công cụ quản lý xã hội của giáo hội

Câu 11. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thiện định nghĩa về Nhà nước: “Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của ...(1)..., một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ ...(2)... và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, thực hiện mục đích bảo vệ địa vị của ...(3)... trong xã hội"?

A. (1) Giai cấp thống trị, (2) bảo vệ, (3) người đứng đầu

B. (1) quyền lực công, (2) bảo vệ, (3) giai cấp thống trị

C. (1) quyền lực xã hội, (2) cưỡng chế, (3) giai cấp thống trị

D. (1) quyền lực chính trị, (2) cưỡng chế, (3) giai cấp thống trị

Câu 12. Cơ sở kinh tế của xã hội cộng sản nguyên thuỷ?

A. Là chế độ sở hữu riêng về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động xã hội

B. Là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động xã hội

C. Mọi người trong xã hội đều lao động và hưởng thụ thành quả lao động khác nhau

D. Đây là thời kỳ có trình độ lực lượng sản xuất ở mức thấp

Câu 13. Học thuyết nào về nguồn gốc của Nhà nước cho thấy Nhà nước là một phạm trù lịch sử chứ không phải một hiện tượng vĩnh cửu?

A. Học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin

B. Thuyết gia trưởng

C. Thuyết thần học

D. Thuyết khế ước

Câu 14. Bản chất của Nhà nước bao gồm?

A. Tính xã hội

B. Tính giai cấp và tính xã hội

C. Tính giai cấp

D. Tính thống nhất

Câu 15. Bản chất pháp luật được thể hiện?

A . Pháp luật là hiện tượng xã hội không mang tính giai cấp

B. Pháp luật là công cụ của đại đa số nhân dân lao động sử dụng

C. Pháp luật phản ánh ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội

D. Pháp luật phản ánh ý chí của giai cấp bị trị trong xã hội

Câu 16. “Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính.......... chung, do .....(2)...... ban hành và đảm bảo thực hiện, thể hiện..(3)....... của giai cấp thống trị và phụ thuộc vào các điều kiện (4). , là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội”?

A. bắt buộc – quốc hội – ý chí – chính trị

B. bắt buộc chung – nhà nước – lý tưởng – chính trị

C. bắt buộc – quốc hội – lý tưởng – kinh tế xã hội

D. bắt buộc - nhà nước – ý chí – kinh tế xã hội

Câu 17. Tập quán pháp là việc:

A. Biến đổi những tục lệ, tập quản đã có sẵn thành pháp luật

B. Biến đổi những thói quen hành xử của con người trong lịch sử thành pháp luật

C. Biến đổi những quy phạm tôn giáo thành pháp luật

D. Tạo ra những tập quán mới và đưa vào hệ thống pháp luật

Câu 18. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin thì nguyên nhân xã hội làm xuất hiện Nhà nước?

A. Do có sự phân công lao động trong xã hội

B. Do có sự phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội

C. Do con người trong xã hội có sự tranh giành lợi ích

D. Do ý chí của con người trong xã hội

Câu 19. Tổ chức thị tộc trong xã hội cộng sản nguyên thủy là

A. Một xã hội độc lập có tổ chức

B. Một nhóm người cùng sinh sống, cùng lao động, phân phối của cải bình đẳng

C. Một nhóm người không có cùng quan hệ huyết thống

D. Một tổ chức độc lập có người đứng đầu

Câu 20. Sự ra đời và tồn tại của nhà nước là:

A. Kết quả tất yếu của xã hội loài người, ở đâu có xã hội ở đó có nhà nước

B. Là kết quả tất yếu của xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp

C. Do ý chí của các thành viên trong xã hội, mong muốn thành lập nhà nước để bảo vệ lợi ích chung

D. Tất cả các đáp án

Câu 21. Thuộc tính cơ bản của Pháp luật:

A. Tính cưỡng chế

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức

C. Tính quy phạm phổ biến Bạn đã gửi

D. Tất cả các đáp án

Câu 22. Nhận định nào sau đây là đặc trưng của Pháp luật:

A. Pháp luật phản ánh ý chí của giai cấp thống trị

B. Pháp luật được đảm bảo thực hiện bởi nhà nước

C. Pháp luật là cơ sở để thiết lập, củng cố, tăng cường quyền lực nhà nước

D. Pháp luật là công cụ, phương tiện để nhà nước quản lý kinh tế, xã hội

PHẦN 2:

HIỂU

Câu 1. Thuyết khế ước xã hội là nền tảng tư tưởng cho cuộc cách mạng của giai cấp nào?

A. Giai cấp địa chủ phong kiến

B. Giai cấp tư sản

C. Giai cấp công nhân

D. Giai cấp nông dân

Câu 2. Lần phân công lao động nào có ý nghĩa quyết định sự tãn rã chế độ cộng sản nguyên thủy và dẫn đến sự xuất hiện nhà nước?

A. Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt

B. Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

C. Buôn bán phát triển và thương nghiệp xuất hiện

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 3. Phương thức hình thành pháp luật chủ yếu ở Việt Nam là gì?

A. Tập quán pháp

B. Tiền lệ pháp

C. Văn bản quy phạm pháp luật

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 4. Chức năng điều chỉnh của Pháp luật được thể hiện qua các hình thức:

A. Quy định, cho phép và ngăn cấm các chủ thể tham gia các quy phạm pháp luật

B. Quy định và cho phép các chủ thể tham gia các quy phạm pháp luật

C. Quy định và ngăn cấm các chủ thể tham gia các quy phạm pháp luật

D. Cho phép và ngăn cấm các chủ thể tham gia các quy phạm pháp luật

Câu 5. Đâu KHÔNG phải là chức năng của pháp luật?

A. Chức năng điều chỉnh

B. Chức năng bảo vệ

C. Chức năng giáo dục

D. Chức năng thuyết phục

Câu 6. Nội dung: “Nhà nước có quyền định ra và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc” thuộc khía cạnh nào của nhà nước?

A. Bản chất của nhà nước

B. Đặc trưng của nhà nước

C. Chức năng của nhà nước

D. Vai trò của nhà nước

Câu 7. Lần phân công lao động nào giữ vai trò rất quan trọng và có một ý nghĩa quyết định tới sự ra đời của Nhà nước?

A. Lần thứ nhất

B. Lần thứ hai

C. Lần thứ ba

D. Tất cả các đáp án

Câu 8. Quyền lực công cộng đặc biệt của Nhà nước nhằm phục vụ cho giai cấp nào?

A. Là quyền lực công cộng nhằm phục vụ cho giai cấp thống trị trong quá trình quản lý xã hội

B. Là quyền lực phục vụ riêng cho một tầng lớp trong xã hội

C. Là quyền lực của một tầng lớp bị trị trong xã hội

D. Là quyền lực thuộc về mọi thành viên trong xã hội

Câu 9. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

A. Trong xã hội tồn tại ý thức pháp luật thống nhất

B. Tồn tại xã hội chịu sự quy định của ý thức pháp luật

C. Ý thức pháp luật luôn lạc hậu hơn tồn tại xã hội

D. Ý thức pháp luật của giai cấp thống trị được thể hiện chủ yếu trong hệ thống pháp luật

Câu 10. Khi nghiên cứu về bản chất nhà nước thì nhận định nào sau đây là ĐÚNG

A. Bất cứ nhà nước nào cũng thể hiện bản chất giai cấp rõ nét hơn bản chất xã hội

B. Bất cứ nhà nước nào cũng chỉ là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này với giai cấp khác

C. Bất cứ nhà nước nào cũng thể hiện bản chất xã hội rõ nét hơn bản chất giai cấp

D. Bất cứ nhà nước nào cũng thể hiện bản chất giai cấp và bản chất xã hội

Câu 11. Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội công xã nguyên thủy được hiểu là:

A. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích của Hội đồng thị tộc, các tù trưởng, thủ lĩnh

B. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích của các thành viên trong xã hội

C. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích của Hội đồng thị tộc, thủ lĩnh, tủ trưởng

D. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích của các thành viên trong xã hội.

Câu 12. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhận định nào sau đây là đúng?

A. Nhà nước là hiện tượng tự nhiên của xã hôi loài người

B. Nhà nước là hiện tượng vĩnh cửu, bất biến

C. Nhà nước là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử

D. Nhà nước xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện và tồn tại của loài người

Câu 13. Khẳng định nào sau đây là sai:

A. Chức năng đối nội của nhà nước là cơ sở cho việc thực hiện chức năng đối ngoại

B. Kết quả của việc thực hiện chức năng đối ngoại tác động đến việc thực hiện chức năng đối nội của nhà nước

C. Chức năng đối nội đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển nhà nước

D. Chức năng đối ngoại đóng vai trò quyết định đối với sự tồn tại của nhà nước

Câu 14. Hình thức pháp luật sớm nhất và được sử dụng nhiều trong các nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến là:

A. Tiền lệ pháp

B. Điều lệ pháp

C. Tập quán pháp

D. Văn bản quy phạm pháp luật

PHẦN 3: VẬN DỤNG

Câu 1. Nhà nước CHXHCN Việt Nam có hình thức cấu trúc là:

A. Nhà nước đơn nhất

B. Nhà nước liên bang

C. Nhà nước liên minh

D. Nhà nước đơn nhất và Nhà nước liên minh

Câu 2. Hội đồng nhân dân thuộc phân hệ cơ quan nào trong Bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Cơ quan hành chính

B. Cơ quan quyền lực

C. Cơ quan xét xử

D. Cơ quan kiểm sát

Câu 3. Bộ Giao thông vận tải thuộc phân hệ cơ quan nào trong Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Cơ quan quyền lực

B. Cơ quan hành chính

C. Cơ quan xét xử

D. Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 4. Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc phân hệ cơ quan nào?

A. Cơ quan quyền lực

B. Cơ quan hành chính

C. Cơ quan xét xử

D. Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 5. Chính phủ thuộc phân hệ cơ quan nào?

A. Cơ quan quyền lực

B. Cơ quan hành chính

C. Cơ quan xét xử

D. Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 6. Bản chất pháp luật của Nhà nước Việt nam được thể hiện ở những đặc điểm nào?

A. Thể hiện ý chí tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; Kết hợp giáo dục thuyết phục, nêu gương

B. Khẳng định đường lối và tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

C. Là sự kết hợp của tập quán, đạo đức, quy phạm của các tổ chức xã hội, là công cụ thực hiện đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước

D. Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 7. Hình thức chính thể của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:

A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

B. Chủ nghĩa xã hội

C. Cộng hòa dân chủ

D. Xã hội chủ nghĩa

Câu 8. Việc thực hiện quyền lực trong nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự?

A. Phân chia quyền lực

B. Phân công, phân nhiệm và phối hợp trong việc thực hiện quyền lực nhà nước

C. Ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được giao tách bạch cho 3 cơ quan Quốc hội, Chính phủ và Tòa án

D. Tập trung quyền lực vào Quốc hội và Chính phủ

Câu 9. Cơ quan thường trực của Quốc hội nước ta là?

A. Ủy ban Quốc hội

B. Ủy ban thường vụ Quốc hội

C. Ủy ban kinh tế và ngân sách

D. Ủy ban đối nội và đối ngoại

Câu 10. Việc tổ chức thực hiện quyền lực Nhà nước ở nước ta được thể hiện?

A. Quyền lực nhà nước thuộc về cơ quan cấp cao, do nhân dân bầu ra theo nhiệm kỳ

B. Quyền lực nhà nước thuộc về người đứng đầu nhà nước

C. Quyền lực nhà nước tập trung toàn bộ hay một phần vào trong tay người đứng đầu nhà nước

D. Tất cả các đáp án

Câu 11. Tổ chức nào dưới đây có quyền lực công cộng đặc biệt?

A. Các tổ chức phi chính phủ

B. Các tổng công ty

C. Hội liên hiệp phụ nữ

D. Nhà nước

Câu 12. Theo Hiến pháp Việt Nam 2013, Thủ tướng chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được bầu như thế nào?

A. Do nhân dân bầu

B. Do Quốc Hội bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch nước

C. Do Chính Phủ bầu

D. Do Hội đồng nhân dân các cấp bầu

Câu 13. Khi nghiên cứu về bộ máy nhà nước Việt Nam, khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Chính phủ có quyền giám sát toàn bộ hoạt động của Nhà nước

B. Quốc Hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước

C. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính ở địa phương, đại diện cho nhân dân ở địa phương

D. Không có đáp án đúng

Câu 14. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có chủ quyền quốc gia từ khi nào?

A. Năm 1930 (Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời)

B. Năm 1945 (Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập)

C. Năm 1954 (Kháng chiến chống Pháp thành công)

D. Năm 1975 ( Kháng chiến chống Mỹ thành công)

Câu 15. Hội đồng nhân dân các cấp được hiểu là :

A. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

B. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương

C. Cơ quan chấp hành, thực thi nhiệm vụ của Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp

D. Do Quốc hội bầu ra

Câu 16. Nhận định: “ Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và đảm bảo pháp luật được thực hiện” nhằm làm rõ vấn đề gì ?

A. Bản chất của nhà nước

B. Đặc trưng của nhà nước

C. Chức năng của nhà nước

D. Không có đáp án đúng

Câu 17. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm mấy phân hệ?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

CHƯƠNG 2: QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT

PHẦN 1: BIẾT

Câu 1. Đặc điểm của quy phạm pháp luật (QPPL):

A. QPPL là những quy tắc xử xự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân theo do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận

B. QPPL là những quy tắc xử xự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân theo do các tổ chức xã hội ban hành hoặc thừa nhận

C. QPPL là những quy tắc xử xự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân theo do phong tục, tập quán thừa nhận

D. QPPL là những quy tắc xử xự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân theo do giáo hội ban hành và thừa nhận

Câu 2. Ba bộ phận cấu thành của một quy phạm pháp luật được sắp xếp theo trình tự:

A. Giả định, quy định, chế tài

B. Giả sử, quy định, chế tài

C. Giả thuyết, quy định, chế tài

D. Giả định, quy chế, chế tài

Câu 3. Bộ phận nào của quy phạm pháp luật nói về thời gian, địa điểm, tỉnh huống và các chủ thể chịu sự tác động điều chỉnh của quy phạm pháp luật?

A. Quy định

B. Giả định

C. Chế tài

D. Quy chế

Câu 4. Nội dung chế tài của quy phạm pháp luật gồm:

A. Nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, kỷ luật

B. Xử phạt tiền và tịch thu tang vật

C. Hình phạt chính và hình phạt bổ sung

D. Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 5. Bộ phận nào của quy định là trung tâm quy phạm pháp luật:

A. Là quy tắc xử sự buộc mọi chủ thể phải tuân theo

B. Là quy tắc xử sự buộc một số chủ thể phải tuân theo

C. Là quy tắc xử sự buộc một nhóm người phải tuân theo

D. Là quy tắc buộc các dân tộc thiểu số phải tuân theo

Câu 6. Căn cứ vào tính mệnh lệnh, quy phạm pháp luật có những loại nào?

A. QPPL nguyên tắc, QPPL điều chỉnh, QPPL định nghĩa

B. QPPL nguyên tắc, QPPL tùy nghi, QPPL định nghĩa

C. QPPL nguyên tắc, QPPL điều chỉnh, QPPL hướng dẫn

D. QPPL bắt buộc, QPPL hướng dẫn, QPPL tùy nghỉ

Câu 7. Căn cứ vào nội dung, quy phạm pháp luật có những loại nào?

A. QPPL nguyên tắc, QPPL điều chỉnh, QPPL định nghĩa

B. QPPL nguyên tắc, QPPL tùy nghi, QPPL định nghĩa

C. QPPL nguyên tắc, QPPL, điều chỉnh, QPPL, hướng dẫn

D. QPPL bắt buộc, QPPL, điều chỉnh, QPPL tùy nghỉ

Câu 8. Phần chế tài của QPPL là:

A. Quy tắc xử sự thể hiện ý chí của nhà nước mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà quy phạm pháp luật đã dự kiến trước

B. Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh của nhà nước đã nêu trong phần quy định

C. Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế, là môi trường tác động của QPPL

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 9. Quan hệ pháp luật có những đặc điểm nào?

A. Là quan hệ mang tính ý chí, quan hệ tư tưởng thuộc kiến trúc thượng tầng

B. Là quan hệ mà các bên tham gia mang những quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý

C. Là quan hệ được bảo đảm sự cưỡng chế của nhà nước và sự ý thức tự đánh giá, tự nguyện của các bên tham gia

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 10. Chủ thể của quan hệ pháp luật là những cá nhân tổ chức nào?

A. Là công dân Việt Nam và công dân nước ngoài định cư ở Việt Nam

B. Là các tổ chức được pháp luật Việt Nam cho phép thực hiện

C. Các cá nhân và tổ chức của Việt Nam

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 11. Năng lực chủ thể của quan hệ pháp luật gồm những yếu tố nào cấu thành?

A. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi

B. Năng lực pháp luật và năng lực tư duy

C. Năng lực trí tuệ và năng lực hành vi

D. Năng lực hành vi và năng lực ý chí

Câu 12. Khách thể của quan hệ pháp luật là:

A. Là những giá trị vật chất

B. Là những giá trị tinh thần

C. Là những giá trị vật chất và những giá trị tinh thần

D. Quan hệ xã hội

Câu 13. Văn bản quy phạm pháp luật có thể hết hiệu lực áp dụng trong trường hợp nào sau đây?

A. Bị thay thế bằng một văn bản mới

B. Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản

C. Bị thay thế bằng một văn bản mới và hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 14. Quy phạm pháp luật là các quy tắc xử sự mang tính ....(1)...... do ..(2)........ban hành và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các ...(3)..

A. bắt buộc chung – nhà nước – quan hệ pháp luật

B. bắt buộc – nhà nước – quan hệ xã hội

C. bắt buộc chung – quốc hội – quan hệ xã hội

D. bắt buộc chung – nhà nước – quan hệ xã hội

Câu 15. Việc thực hiện các quy phạm pháp luật do?

A. Do một tổ chức đặt ra

B. Do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện

C. Do cá nhân đặt ra và thực hiện

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 16. Chế tài là bộ phận quy phạm pháp luật nêu lên?

A. Cách xử sự dứt khoát buộc các chủ thể phải tuân theo

B. Trong trường hợp nào thì các chủ thể của quan hệ được điều chỉnh

C. Những biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với chủ thể có hành vi vi phạm

D. Cách xử sự buộc các chủ thể phải tuân theo và khi nào thì các chủ thể của quan hệ được điều chỉnh

Câu 17. Văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội nào?

A. Giữa các đơn vị công tác theo với nhau

B. Giữa các tổ chức trực thuộc với nhau

C. Giữa các cá nhân với nhau

D. Mọi quan hệ trong xã hội

Câu 18. Bộ phận “quy định” có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật ?

A. Xác định chủ thể, địa điểm, thời gian, hoàn cảnh, tình huống chịu sự tác động của quy phạm pháp luật

B. Xác định quy tắc xử sự của mọi chủ thể pháp luật khi tham gia vào quan hệ xã hội

C. Xác định biện pháp cưỡng chế đối với chủ thể vi phạm pháp luật

D. Tùy từng trường hợp đã nêu trong quy phạm pháp luật

Câu 19. Bộ phận “chế tài” có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật?

A. Xác định chủ thể, địa điểm, thời gian, hoàn cảnh, tình huống chịu sự tác động của quy phạm pháp luật

B. Xác định quy tắc sử sự của mọi chủ thể pháp luật khi tham gia vào quan hệ xã hội

C. Xác định biện pháp cưỡng chế đối với chủ thể vi phạm pháp luật

D. Tùy từng trường hợp đã nêu trong quy phạm

Câu 20. Quy định cấm, bắt buộc là quy định như thế nào?

A. Là quy định nêu ra cách sử sự dứt khoát buộc các chủ thể phải tuân theo mà không có sự lựa chọn khác

B. Là quy định nêu lên hai chọn cách sử xự phù hợp hay nhiều cách sử xự để các chủ thể có quyền lựa

C. Là quy định cho phép các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật có quyền lựa chọn làm hoặc không làm việc đó

D. Cả ba nhận định đều sai

Câu 21. Năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu như thế nào?

A. Là khả năng của chủ thể có được các quyền và nghĩa vụ pháp lí được nhà nước thừa nhận

B. Là khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình tham gia vào quan hệ pháp luật đó

C. Là khả năng của chủ thể được pháp luật quy định và bằng chính hành vi của mình tham gia vào quan hệ pháp luật đó

D. Cả ba nhận định đều sai

Câu 22. Năng lực hành vi của chủ thể xuất hiện khi nào?

A. Khi cá nhân đã đạt được độ tuổi nhất định

B. Khi cá nhân được sinh ra và chỉ mất đi khi cá nhân chết

C. Khi cá nhân đã đạt được độ tuổi nhất định và đạt được những điều kiện nhất định

D. Cả ba nhận định đều sai

PHẦN 2: HIỂU

Câu 1. Bộ phận nào là bộ phận trung tâm của quy phạm pháp luật?

A. Giả định

B. Quy định

C. Chế tài

D. Tất cả các đáp án

Câu 2. Cá nhân là chủ thể của quan hệ pháp luật gồm:

A. Công dân Việt Nam không có quốc tịch ở nước ngoài

B. Công dân nước ngoài

C. Công dân Việt Nam, người nước ngoài và người không có quốc tịch cư trú trên lãnh thổ Việt Nam

D. Công dân Việt Nam và công dân nước ngoài không có quốc tịch Việt Nam

Câu 3. Chủ thể của quan hệ pháp luật là:

A. Là các tổ chức có năng lực pháp luật và năng lực hành vi do nhà nước thừa nhận

B. Là tổ chức chỉ có năng lực pháp luật do nhà nước thừa nhận

C. Là tổ chức chỉ có năng lực hành vi do nhà nước thừa nhận

D. Là các tổ chức có năng lực pháp luật và năng lực hành vi do các tổ chức chính trị thừa nhận

Câu 4. Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Sự kiện pháp lý (SKPL) là sự cụ thể hoá phần giả định của quy phạm pháp luật (QPPL) trong thực tiễn

B. SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định và quy định của QPPL trong thực tiễn

C. SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định, quy định và chế tài của QPPL trong thực tiễn

D. SKPL là sự cụ thể hoá phần quy định của QPPL trong thực tiễn

Câu 5. Chủ thể sẽ không thể tham gia quan hệ pháp luật nếu?

A. Không có năng lực pháp luật

B. Không có năng lực hành vi

C. Không có năng lực pháp luật và không có năng lực hành vi

D. Tất cả các phương án đều sai.

Câu 6. Chế tài hình sự được áp dụng đối với loại vi phạm pháp luật nào?

A. Áp dụng với tất cả các loại vi phạm pháp luật

B. Áp dụng đối với vi phạm pháp luật là tội phạm

C. Áp dụng với tội phạm và vi phạm hành chính

D. Chỉ được áp dụng đối với vi phạm hành chính

Câu 7. Biện pháp nào sau đây không phải là chế tài khôi phục pháp luật?

A. Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép

B. Trả lại tài sản đã chiếm giữ trái phép

C. Bồi thường thiệt hại

D. Không có đáp án đúng

Câu 8. Quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt khi có điều kiện gì?

A. Chỉ cần có chủ thể tham gia quan hệ và có đủ năng lực chủ thể

B. Chỉ cần có quy phạm pháp luật điều chỉnh

C. Chỉ cần có sự kiện pháp lí

D. Phải có đủ cả ba điều kiện

Câu 9. Thời điểm năng lực pháp luật và năng lực hành vi được Nhà nước công nhận là:

A. Cùng một thời điểm

B. Năng lực pháp luật được công nhận trước năng lực hành vi

C. Năng lực hành vi được công nhận trước năng lực pháp luật

D. Tất cả các đáp án

PHẦN 3: VẬN DỤNG

Câu 1. Xác định bộ phận trong ngoặc trong quy phạm pháp luật sau: “Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết" thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm?

A. Giả định

B. Quy định

C. Chế tài

D. Giả định và quy định

Câu 2. Xác định bộ phận trong ngoặc của quy phạm pháp luật sau: Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ "phải phù hợp với quy hoạch giao thông vận tải đường bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”?

A. Giả định

B. Quy định

C. Chế tài

D. Quy định và chế tài

Câu 3. Theo pháp luật Việt Nam, nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên được kết hôn thuộc bộ phận nào của chủ thể quan hệ pháp luật ?

A. Năng lực pháp luật

B. Năng lực hành vi

C. Quyền chủ thể

D. Nghĩa vụ chủ thể

Câu 4. Theo luật Lao động Việt Nam 2019, độ tuổi lao động là từ 15 đến 60 tuổi 6 tháng đối với lao động nam và từ 15 đến 55 tuổi 8 tháng đối với lao động nữ, xác định bộ phận nào của chủ thể khi tham gia quan hệ lao động?

A. Năng lực pháp luật

B. Năng lực hành vi

C. Quyền chủ thể

D. Nghĩa vụ chủ thể

Câu 5. Ông A và bà B kết hôn. Quan hệ hôn nhân này chịu sự tác động của?

A. Quy phạm pháp luật

B. Quy phạm đạo đức, tập quán, tôn giáo

C. Quy phạm pháp luật và quy phạm đạo đức, tập quán, tôn giáo

D. Quy phạm pháp luật tùy nghi

Câu 6. Ở nước ta, năng lực kết hôn được pháp luật quy định là:

A. Đủ 18 tuổi cả nam và nữ

B. Đủ từ 16 tuổi trở lên

C. Nam 20 tuổi; nữ 20 tuổi trở lên

D. Nam 20 tuổi; nữ 18 tuổi trở lên